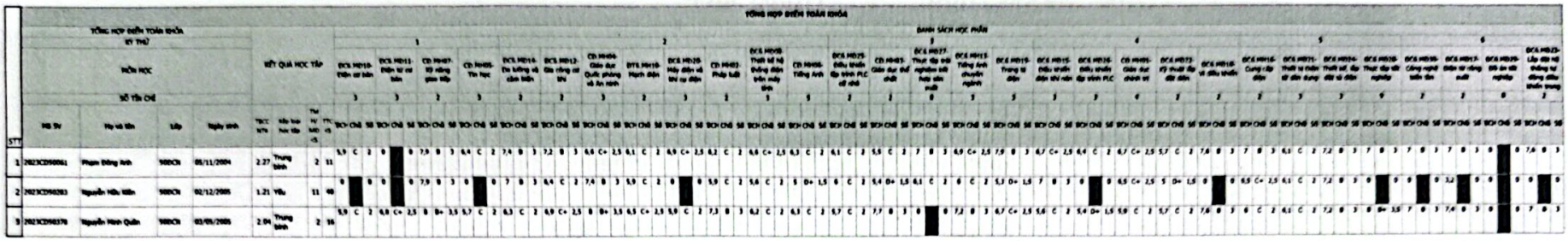
DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

LỚP: 50DCN KHÓA: 50 (2023 - 2026)



STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	TBC tích lũy	Kết quả học tập	TC nợ	TC tích lũy
1	2021XCD50061	Phạm Đăng Anh	50DCN	05/11/2004	2.27	Trung bình	2	11
2	2021XCD50283	Nguyễn Hữu Hiếu	50DCN	02/12/2005	1.21	Yếu	11	48
3	2021XCD50378	Nguyễn Hoàn Quân	50DCN	03/05/2005	2.04	Trung bình	2	16

Tổng số: 03

Phòng QLĐT

Nguyễn Thị Hường

Hà Nội, Ngày 8 tháng 6 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

LỚP: 50ĐĐT1 KHÓA:50 (2023 - 2026)

DANH SÁCH HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	TMH/MĐ<5	TTC<5	1																		2																				
				ĐT6.MĐ19- Điện tử			CĐ.MH07- Kỹ năng giao			ĐT6.MĐ21- Kỹ thuật			ĐT6.MH08- Linh kiện			ĐT6.MĐ12- Thực hành			CĐ.MH05- Tin học			ĐT6.MĐ13- Điện cơ bản			CĐ.MH04- Giáo dục			CĐ.MH03- Giáo dục			ĐT6.MĐ20- Kỹ thuật			ĐT6.MĐ23- Thiết kế và			CĐ.MH06- Tiếng Anh			ĐT6.MH10- Mạch điện		
				2			2			3			2			2			3			3			3			2			3			3			5			2		
				Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số
1	Vũ Việt Anh	2	10	7,8	B	3	8,9	A	3,7	7,2	B	3	7	B	3	7	B	3	5,9	C	2	7	B	3	7,8	B	3	7,1	B	3	5,7	C	2	7,2	B	3	8,9	A	3,7	8,2	B+	3,5
2	Đào Hữu Bảo	11	36	5,7	C	2	7,1	B	3	6,2	C	2	5,8	C	2	6,3	C	2	7	B	3	5,1	D+	1,5	7,4	B	3	0	F	0	5,1	D+	1,5	5,4	D+	1,5	0	F	0	5,8	C	2
3	Nguyễn Văn Duy	3	16	8,9	A	3,7	7,1	B	3	6,8	C+	2,5	6,8	C+	2,5	9,3	A+	4	5,9	C	2	6,3	C	2	0	M	0	5,4	D+	1,5	8,7	A	3,7	7	B	3	7,4	B	3	7,2	B	3
4	Trần Thế Duyệt	12	37	7	B	3	7,4	B	3	7	B	3	2,5	F	0	7,4	B	3	8,5	A	3,7	0	F	0	0	F	0	0	F	0	6	C	2	7,4	B	3	0	F	0	5,8	C	2
5	Hà Văn Đức	2	10	7	B	3	7,4	B	3	7	B	3	6,1	C	2	6,2	C	2	6,4	C	2	6	C	2	6,5	C+	2,5	5,4	D+	1,5	5,1	D+	1,5	5,9	C	2	8,1	B+	3,5	8,4	B+	3,5
6	Nguyễn Xuân Hợp	5	19	8,1	B+	3,5	7,6	B	3	7,2	B	3	6,4	C	2	7,9	B	3	5,9	C	2	5,7	C	2	6,3	C	2	5,3	D+	1,5	6,4	C	2	6	C	2	3,4	F	0	7,8	B	3
7	Nguyễn Quang Linh	15	44	7,5	B	3	8,1	B+	3,5	6,6	C+	2,5	5,5	C	2	6	C	2	5,6	C	2	3,8	F	0	6,7	C+	2,5	0	F	0	5,6	C	2	5,4	D+	1,5	5,3	D+	1,5	5,8	C	2
8	Nguyễn Mậu Phi	15	42	2,6	F	0	0	F	0	6,4	C	2	6,8	C+	2,5	0	F	0	0	F	0	2	F	0	6,6	C+	2,5	0	F	0	0	F	0	5,5	C	2	0	F	0	2,2	F	0
9	Nguyễn Hồng Phong	12	45	6,8	C+	2,5	0	F	0	6	C	2	6,2	C	2	7,4	B	3	6,4	C	2	6,3	C	2	7,8	B	3	0	F	0	6,4	C	2	6,2	C	2	7,2	B	3	5,2	D+	1,5
10	Trần Minh Quân	8	26	7,4	B	3	8	B+	3,5	6,3	C	2	6,2	C	2	6,3	C	2	5,6	C	2	6	C	2	7	B	3	0	F	0	5,4	D+	1,5	0	F	0	5,6	C	2	6,9	C+	2,5
11	Bùi Văn Thái	6	18	1,2	F	0	7,7	B	3	6,2	C	2	6,3	C	2	6,3	C	2	4,4	F	0	6,3	C	2	7,5	B	3	0	F	0	5,4	D+	1,5	5,6	C	2	6,4	C	2	7,5	B	3
12	Nông Quang Trải	4	13	5,5	C	2	7,5	B	3	6,6	C+	2,5	6	C	2	6,3	C	2	5,2	D+	1,5	6,3	C	2	6,4	C	2	0	F	0	5,4	D+	1,5	6,4	C	2	5,2	D+	1,5	6,4	C	2
13	Trần Văn Tùng	8	25	6,3	C	2	8,5	A	3,7	6,7	C+	2,5	6,2	C	2	6,6	C+	2,5	5,9	C	2	6,3	C	2	6,8	C+	2,5	0	F	0	6,3	C	2	5,7	C	2	0	F	0	7,2	B	3

STT	Họ và tên	3																		4														
		ĐT6.MĐ26- Điều khiển			ĐT6.MH09- Máy điện và			ĐT6.MĐ28- Thực tập trải			ĐT6.MH15- Tiếng Anh			ĐT6.MĐ27- Trang bị điện			ĐT6.MĐ22- Vi xử lý - Vi			ĐT6.MĐ16- Điều khiển			ĐT6.MĐ14- Gia công			CĐ.MH01- Giáo dục			CĐ.MH02- Pháp luật			ĐT6.MĐ11- Thiết kế hệ		
		2			2			7			3			2			3			2			2			4			2			3		
		Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số
1	Vũ Việt Anh	8	B+	3,5	5,6	C	2	8	B+	3,5	7,2	B	3	7,1	B	3	7,3	B	3	6	C	2	6,3	C	2	6,3	C	2	6,1	C	2	7	B	3
2	Đào Hữu Bảo	6	C	2	5,7	C	2	6,4	C	2	6,7	C+	2,5	6	C	2	6,1	C	2	0	F	0	0	F	0	0	F	0	6,8	C+	2,5	0	F	0
3	Nguyễn Văn Duy	6,2	C	2	6,1	C	2	0	F	0	6,9	C+	2,5	7,4	B	3	6	C	2	5,8	C	2	6,1	C	2	5,7	C	2	6,9	C+	2,5	6	C	2
4	Trần Thế Duyệt	0	F	0	0	F	0	8	B+	3,5	0	F	0	5,4	D+	1,5	0	F	0	0	F	0	6,8	C+	2,5	5,6	C	2	6,1	C	2	6,8	C+	2,5
5	Hà Văn Đức	5,4	D+	1,5	6,8	C+	2,5	8	B+	3,5	8	B+	3,5	5,5	C	2	6	C	2	6,3	C	2	6	C	2	7,4	B	3	6,9	C+	2,5	6	C	2
6	Nguyễn Xuân Hợp	6	C	2	6	C	2	8	B+	3,5	6,3	C	2	6,9	C+	2,5	6	C	2	0	F	0	6,2	C	2	6,4	C	2	5,7	C	2	5,7	C	2
7	Nguyễn Quang Linh	5,9	C	2	0	F	0	8	B+	3,5	0	F	0	0	F	0	0	F	0	7,4	B	3	5,9	C	2	1,2	F	0	4,3	F	0	0	F	0
8	Nguyễn Mậu Phi	0	F	0	0	F	0	7,6	B	3	6,7	C+	2,5	6,7	C+	2,5	6	C	2	0	F	0	6,8	C+	2,5	6,1	C	2	7,5	B	3	5,7	C	2
9	Nguyễn Hồng Phong	0	F	0	0	F	0	0	F	0	7,8	B	3	6	C	2	5,4	D+	1,5	7	B	3	6,9	C+	2,5	5,8	C	2	6,1	C	2	2,4	F	0
10	Trần Minh Quân	5,9	C	2	7,3	B	3	8	B+	3,5	6,7	C+	2,5	6	C	2	4,8	F	0	6,9	C+	2,5	6,9	C+	2,5	1,2	F	0	5,9	C	2	6,1	C	2
11	Bùi Văn Thái	0	F	0	5,6	C	2	6,4	C	2	6,4	C	2	6,3	C	2	5,4	D+	1,5	5,7	C	2	7	B	3	5,9	C	2	6,7	C+	2,5	6,7	C+	2,5
12	Nông Quang Trải	5,3	D+	1,5	7,6	B	3	8	B+	3,5	6,8	C+	2,5	5,4	D+	1,5	6,1	C	2	0	F	0	6,9	C+	2,5	7,6	B	3	5,7	C	2	5,7	C	2
13	Trần Văn Tùng	0	F	0	0	F	0	6,4	C	2	6,3	C	2	0	F	0	4,8	F	0	5,4	D+	1,5	7	B	3	7,1	B	3	7,2	B	3	6,9	C+	2,5

STT	Họ và tên	5															6					
		ĐT6.MĐ31- Sửa chữa			ĐT6.MĐ24- Sửa chữa			ĐT6.MĐ17- Thiết bị điện			ĐT6.MH18- Thiết kế, lắp			ĐT6.MĐ29- Thực tập tốt			ĐT6.MĐ30- Đồ án tốt			ĐT6.MĐ25- Sửa chữa		
		2			3			3			2			9			7			3		
		Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số	Điểm	Chữ	Số
1	Vũ Việt Anh	8,2	B+	3,5	5,8	C	2	7	B	3	9	A+	4	9,6	A+	4	0	F	0	0	F	0
2	Đào Hữu Bảo	0	F	0	2,8	F	0	0	F	0	6,1	C	2	7,1	B	3	0	F	0	0	F	0
3	Nguyễn Văn Duy	0	F	0	6,4	C	2	6,1	C	2	6,6	C+	2,5	8	B+	3,5	0	F	0	5,4	D+	1,5
4	Trần Thế Duyệt	7,5	B	3	6,4	C	2	0	F	0	7,9	B	3	8	B+	3,5	0	F	0	5,4	D+	1,5
5	Hà Văn Đức	7,7	B	3	6,4	C	2	7	B	3	6,1	C	2	9,6	A+	4	0	F	0	0	F	0
6	Nguyễn Xuân Hợp	0	F	0	5,9	C	2	5,7	C	2	6,7	C+	2,5	8	B+	3,5	0	F	0	0	F	0
7	Nguyễn Quang Linh	0	F	0	2,8	F	0	0	F	0	0	F	0	8	B+	3,5	0	F	0	0	F	0
8	Nguyễn Mậu Phi	7,2	B	3	7	B	3	6	C	2	0	F	0	7,1	B	3	0	F	0	0	F	0
9	Nguyễn Hồng Phong	6	C	2	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0
10	Trần Minh Quân	0	F	0	6,4	C	2	0	F	0	0	F	0	8	B+	3,5	0	F	0	5,3	D+	1,5
11	Bùi Văn Thái	6,6	C+	2,5	6,4	C	2	6	C	2	0	F	0	7,1	B	3	0	F	0	5,3	D+	1,5
12	Nông Quang Trải	6,6	C+	2,5	6,4	C	2	5,7	C	2	0	F	0	8	B+	3,5	0	F	0	5,3	D+	1,5
13	Trần Văn Tùng	7,5	B	3	6,4	C	2	7	B	3	0	F	0	8	B+	3,5	0	F	0	5,5	C	2

Hà Nội, Ngày 7 tháng 6 năm 2026

Phòng QLĐT

Nguyễn Thị Hương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
LỚP: 50ĐĐT2 KHÓA:50 (2023 - 2026)

DANH SÁCH HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Ngày sinh	KẾT QUẢ HỌC TẬP: TBCC NT4	Xếp loại	TM/MĐ <5	TTC <5
1	Đinh Hiếu Tùng	14/07/2005	1.68	Yếu	7	29

Học kỳ 1

STT	Họ và tên	ĐT6.MD21- Kỹ thuật mạch (3) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MH08- Linh kiện điện tử (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MH10- Mạch điện (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MH09- Máy điện và khí cụ điện (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD12- Thực hành Điện tử cơ bản (2) TBCH4	Chữ	Số
1	Đinh Hiếu Tùng	6,5	C+	2,5	5,7	C	2	7	B	3	6,4	C	2	7,5	B	3

Học kỳ 2

STT	Họ và tên	ĐT6.MD19- Điện tử công suất (2) TBCH4	Chữ	Số	CĐ.MH01- Giáo dục chính trị (4) TBCH4	Chữ	Số	CĐ.MH04- Giáo dục Quốc phòng và An ninh (3) TBCH4	Chữ	Số	CĐ.MH03- Giáo dục thể chất (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD20- Kỹ thuật xung số (3) TBCH4	Chữ	Số	CĐ.MH02- Pháp luật (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD11- Thiết kế hệ thống điện trên máy tính (3) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD23- Thiết kế và lắp ráp mạch điện tử (3) TBCH4	Chữ	Số	CĐ.MH06- Tiếng Anh (5) TBCH4	Chữ	Số	CĐ.MH05- Tin học (3) TBCH4	Chữ	Số
1	Đinh Hiếu Tùng	7,3	B	3	8,1	B+	3,5	7,3	B	3	8,1	B+	3,5	5,8	C	2	7,1	B	3	7,3	B	3	8,9	A	3,7	5,9	C	2	6,2	C	2

Học kỳ 3

STT	Họ và tên	ĐT6.MD13- Điện cơ bản (3) TBCH4	Chữ	Số	CĐ.MH07- Kỹ năng giao tiếp (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD28- Thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất (7) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD27- Trang bị điện (2) TBCH4	Chữ	Số
1	Đinh Hiếu Tùng	6	C	2	7,6	B	3	6	C	2	6,4	C	2

Học kỳ 4

STT	Họ và tên	ĐT6.MD26- Điều khiển lập trình PLC (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD14- Gia công cơ khí (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD24- Sửa chữa máy tăng âm (3) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD17- Thiết bị điện tử dân dụng (3) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MH15- Tiếng Anh chuyên ngành (3) TBCH4	Chữ	Số
1	Đinh Hiếu Tùng	0	[redacted]	0	6,8	C+	2,5	0	[redacted]	0	5,7	C	2	0	[redacted]	0

Học kỳ 5

STT	Họ và tên	ĐT6.MD16- Điều khiển điện khí nén (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD31- Sửa chữa điện thoại di động (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MH18- Thiết kế, lắp đặt tủ điện (2) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD29- Thực tập tốt nghiệp (9) TBCH4	Chữ	Số	ĐT6.MD22- Vi xử lý - Vi điều khiển (3) TBCH4	Chữ	Số
1	Đinh Hiếu Tùng	0	[redacted]	0	6,8	C+	2,5	6,6	C+	2,5	0	[redacted]	0	6,1	C	2

STT	Họ và tên	ĐT6.MD30- Đồ án tốt nghiệp (7) TBCH4	Chữ	Số
1	Đinh Hiếu Tùng	0	[redacted]	0

Phòng QLĐT	Hà Nội, Ngày 7 tháng 6 năm 2026 Người lập biểu
Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Ngọc Dung

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

LỚP: 50KTML2 KHÓA: 50 (2023 - 2026)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	TBCHT H4 (ĐÃ HỌC)	Xếp loại	HP Nợ	Số TC Nợ
			KẾT QUẢ HỌC TẬP			
1	Bùi Tiến Đạt	08/12/2005	2.36	Trung bình	5	18
2	Phạm Việt Đức	20/11/2004	2.82	Khá	2	10
3	Nguyễn Tiến Huy	09/10/2004	2.54	Khá	5	17
4	Bùi Minh Ngọc	04/12/2005	2.35	Trung bình	4	15
5	Ngô Duy Thảo	21/07/2004	2.58	Khá	2	9

DANH SÁCH HỌC PHẦN

STT	1																		2											
	MLĐ.MĐ11-Điện cơ bản			CĐ.MH07- Kỹ năng giao			MLĐ.MĐ16-Kỹ thuật			MLĐ.MH12-Nhiệt kỹ			CĐ.MH05- Tin học			MLĐ.MĐ08-Vẽ kỹ thuật			MLĐ.MĐ09-Cơ kỹ thuật			MLĐ.MĐ26-Gia công			CĐ.MH01-Giáo dục			CĐ.MH04-Giáo dục		
	2			2			3			2			3			3			2			2			4			3		
	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số
1	5,7	C	2	6,1	C	2	8,3	B+	3,5	8,3	B+	3,5	5,9	C	2	7	B	3	7,2	B	3	6,4	C	2	0	F	0	6,9	C+	2,5
2	6,2	C	2	6,7	C+	2,5	8,3	B+	3,5	7,6	B	3	7,9	B	3	7,8	B	3	7,9	B	3	7,7	B	3	7,1	B	3	6,1	C	2
3	7,1	B	3	8	B+	3,5	8	B+	3,5	9	A+	4	5,4	D+	1,5	7,3	B	3	8	B+	3,5	7,8	B	3	7,1	B	3	0	F	0
4	5	D+	1,5	6,7	C+	2,5	7,7	B	3	7,6	B	3	6	C	2	6,9	C+	2,5	7	B	3	7,5	B	3	2,4	F	0	7,1	B	3
5	6,7	C+	2,5	6,4	C	2	7,9	B	3	7,9	B	3	5,8	C	2	6	C	2	8,1	B+	3,5	8	B+	3,5	6,1	C	2	6,4	C	2

STT	2									3															4					
	MLĐ.MĐ17-Hệ thống			MLĐ.MĐ13-Thực tập cơ			CĐ.MH06-Tiếng Anh			MLĐ.MĐ14-Điện tử cơ bản			CĐ.MH03-Giáo dục thể			CĐ.MH02-Pháp luật			MLĐ.MĐ27-Thực tập			MLĐ.MH15-Tiếng Anh			MLĐ.MĐ31-Chuyên đề			MLĐ.MĐ18-Điều khiển		
	3			4			5			2			2			2			7			3			2			3		
	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số
1	8	B+	3,5	7,3	B	3	5,1	D+	1,5	9,2	A+	4	6,5	C+	2,5	0,5	F	0	8,9	A	3,7	7,6	B	3	7,4	B	3	0	F	0
2	8	B+	3,5	8	B+	3,5	6,6	C+	2,5	8,9	A	3,7	7,1	B	3	7,2	B	3	8,2	B+	3,5	9	A+	4	8	B+	3,5	0	F	0
3	8,2	B+	3,5	8	B+	3,5	7,9	B	3	0	F	0	7,9	B	3	5,8	C	2	8,2	B+	3,5	7,1	B	3	7	B	3	5	D+	1,5
4	6,8	C+	2,5	7,5	B	3	5,1	D+	1,5	6,3	C	2	5	D+	1,5	5,2	F	0	7,3	B	3	7,7	B	3	8	B+	3,5	5,7	C	2
5	8	B+	3,5	7,8	B	3	5,2	D+	1,5	7,6	B	3	5,3	D+	1,5	0,9	F	0	8,5	A	3,7	5,9	C	2	8	B+	3,5	7,6	B	3

STT	4												5												6					
	MLĐ.MĐ21-Hệ thống			MLĐ.MĐ20-Hệ thống			MLĐ.MĐ10-Máy điện			MLĐ.MĐ25-Sửa chữa			MLĐ.MĐ19-Điều hòa			MLĐ.MĐ22-Hệ thống			MLĐ.MH24-Thiết kế hệ			MLĐ.MĐ23-Thiết kế			MLĐ.MĐ29-Đồ án tốt			MLĐ.MĐ28-Thực tập		
	3			3			2			2			2			4			2			3			7			9		
	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số
1	8,6	A	3,7	7,9	B	3	0	F	0	6	C	2	7,8	B	3	7,3	B	3	7,7	B	3	8	B+	3,5	0	F	0	7,3	B	3
2	9	A+	4	6,8	C+	2,5	7,6	B	3	7	B	3	6,3	C	2	7,5	B	3	7,4	B	3	8	B+	3,5	0	F	0	8,1	B+	3,5
3	0	F	0	7	B	3	6,1	C	2	0	F	0	7,1	B	3	7,1	B	3	8,3	B+	3,5	7,7	B	3	0	F	0	7,8	B	3
4	8	B+	3,5	7,9	B	3	0	F	0	6,6	C+	2,5	8	B+	3,5	7,7	B	3	7,4	B	3	8	B+	3,5	0	F	0	8,2	B+	3,5
5	8,7	A	3,7	8	B+	3,5	6,3	C	2	6	C	2	7,6	B	3	8	B+	3,5	7,4	B	3	8	B+	3,5	0	F	0	7,7	B	3

Hà Nội, Ngày 06 tháng 6 năm 2026

Phòng QLĐT

Nguyễn Thị Hương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

LỚP: 50CNTT1 KHÓA:50 (2023 - 2025)

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN KHÓA

Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	TBCHT H4 (ĐÃ HỌC)	Xếp loại HT	TMH /MĐ <5	TTC< 5
2023CD50523	Phan Hoàng Anh Vũ	50CNTT1	19/05/2004	2.06	Khá	2	8

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN KHÓA – DANH SÁCH HỌC PHẦN

Kỳ thứ 1

Mã SV	CT6.MH10- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (2)			CĐ.MH07- Kỹ năng giao tiếp (2)			CT6.MH08- Kỹ thuật số-Vi xử lý (2)			CT6.MĐ09- Lập trình cơ bản (3)			CĐ.MH08- Tin học (3)		
	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số
2023CD50523	8	B+	3.5	7.5	B	3	7.4	B	3	7.1	B	3	8.3	B+	3.5

Kỳ thứ 2

Mã SV	CT6.MH11- Cấu trúc máy tính (2)			CĐ.MH04- Giáo dục Quốc phòng và An ninh (3)			CT6.MĐ17- Lập trình hướng đối tượng (2)			CT6.MH20- Mạng máy tính (2)			CĐ.MH02- Pháp luật (2)			40CT6.MĐ32- Thiết kế dàn trang (2)			CĐ.MH06- Tiếng Anh (5)			CT6.MĐ14- Tin học văn phòng (2)		
	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số
2023CD50523	6.1	C	2	7.5	B	3	8	B+	3.5	6.3	C	2	6.8	C+	2.5	6.5	C+	2.5	8.2	B+	3.5	7.7	B	3

Kỳ thứ 3

Mã SV	CT6.MĐ18- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (3)			CT6.MĐ19- Lắp đặt, bảo trì máy tính và mạng LAN (3)			CT6.MH12- Phân tích và thiết kế hệ thống (2)			40CT6.MĐ29- Thực tập trải nghiệm bắt hợp sản (4)			CT6.MH13- Tiếng Anh chuyên ngành (3)			CT6.MĐ10- Xử lý ảnh (3)		
	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số
2023CD50523	6.5	C+	2.5	5.6	C	2	7.9	B	3	0	[redacted]	0	7.6	B	3	7	B	3

Kỳ thứ 4

Mã SV	CT6.MĐ27- Chuyên đề cơ bản (4)			CT6.MĐ28- Chuyên đề nâng cao (4)			CĐ.MH05- Giáo dục thể chất (2)			CT6.MĐ21- Lập trình Windows (3)			CT6.MĐ29- Quản trị mạng cơ bản (2)		
	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số
2023CD50523	7.7	B	3	8.1	B+	3.5	6.5	C+	2.5	6.1	C	2	5.9	C	2

Kỳ thứ 5

Mã SV	CT6.MĐ25- Thiết kế đồ họa 2D (3)			CT6.MĐ16- Thiết kế Web (3)			CT6.MĐ24- Lập trình Web (3)			40CT6.MĐ30- Thực tập tốt nghiệp (5)		
	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số
2023CD50523	6.9	C+	2.5	6.9	C+	2.5	7.8	B	3	8.9	A	3.7

Kỳ thứ 6

Mã SV	40CT6.MĐ31- Đồ án tốt nghiệp (4)			CĐ.MH01- Giáo dục chính trị (4)			CT6.MĐ26- Kỹ thuật dựng phim (3)			40CT6.MĐ33- Thương mại điện tử (3)			CT6.MĐ22- Vẽ kỹ thuật và Autocad (3)		
	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số	TBCH	Chữ	Số
2023CD50523	0	[redacted]	0	7.7	B	3	7	B	3	6.9	C+	2.5	8.1	B+	3.5

Tổng số: 1

Hà Nội, Ngày 08 tháng 06 năm 2026

Phòng QLĐT — **Người lập biểu**

(signature) — (signature)

Nguyễn Thị Hương — **Nguyễn Thị ngọc Dung**

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

LỚP: 50KTCK KHÓA: 50 (2023 - 2026)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	ÉT QUẢ HỌC TẬ: TBC HT H4 (ĐÃ HỌC)	Xếp loại học tập	HP Nợ	Số TC Nợ
1	Lê Duy Dũng	08/10/2004	1.55	Yếu	11	41
2	Nguyễn Trung Hiếu	27/07/2005	2.58	Khá	1	7
3	Nguyễn Việt Hoàng	18/12/2005	0.83	Yếu	20	63
4	Đào Văn Huy	23/12/2003	1.42	Yếu	13	41
5	Kiều Đức Huy	10/10/2001	1.53	Yếu	9	39
6	Nguyễn Thanh Long	25/09/2004	2.21	rung bư	2	16

DANH SÁCH HỌC PHẦN

STT	1: CK6.MH14-AutoCAD			CK6.MĐ10-Điện cơ bản			CĐ.MH07-Kỹ năng giao tiếp			CĐ.MH05-Tin học			CK6.MĐ08-Vẽ kỹ thuật			2: CK6.MĐ09-Cơ kỹ thuật			CK6.MĐ12-Gia công Nguội cơ bản			CK6.MĐ17-Gia công trên máy		
	2			3			2			3			3			3			2			3		
	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số
1	6,8	C+	2,5	3,8	F	0	7,1	B	3	6,2	C	2	7,1	B	3	6	C	2	6,6	C+	2,5	0	F	0
2	7,5	B	3	6,7	C+	2,5	7	B	3	6,6	C+	2,5	7,1	B	3	7,3	B	3	7,6	B	3	8,1	B+	3,5
3	7,2	B	3	5,7	C	2	6,7	C+	2,5	6,8	C+	2,5	2,4	F	0	6,1	C	2	6	C	2	0	F	0
4	7,2	B	3	7	B	3	7,5	B	3	7,6	B	3	6	C	2	6,1	C	2	2,4	F	0	0	F	0
5	6,8	C+	2,5	6,8	C+	2,5	8	B+	3,5	0	F	0	7,9	B	3	7,3	B	3	6,8	C+	2,5	6,3	C	2
6	7	B	3	7	B	3	8,2	B+	3,5	6,5	C+	2,5	6	C	2	6,3	C	2	7,6	B	3	7,1	B	3

STT	MH04-Giáo dục Quốc phòng và An			CK6.MĐ13-Hàn hồ quang tay			CK6.MĐ11-Máy điện & Khí cụ điện			MH02-Pháp luật			CĐ.MH06-Tiếng Anh			3: CK6.MĐ22-Bảo trì, bảo dưỡng công			CK6.MĐ23-Gia công kim loại			CK6.MĐ19-Gia công trên máy		
	3			2			2			2			5			2			2			2		
	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số
1	0	F	0	7,9	B	3	0	F	0	6,3	C	2	0	F	0	6,7	C+	2,5	7,3	B	3	7,9	B	3
2	6,3	C	2	8	B+	3,5	7	B	3	6,3	C	2	6,4	C	2	7,7	B	3	7	B	3	7,8	B	3
3	7,5	B	3	6,1	C	2	0	F	0	5,9	C	2	0	F	0	7,2	B	3	7,2	B	3	3	F	0
4	6,4	C	2	6,9	C+	2,5	0	F	0	7,7	B	3	6,8	C+	2,5	7	B	3	7,2	B	3	6,4	C	2
5	0	F	0	7,9	B	3	7,4	B	3	5,9	C	2	0	F	0	7	B	3	7	B	3	5,8	C	2
6	6,8	C+	2,5	7,3	B	3	6,3	C	2	6,1	C	2	6,6	C+	2,5	7	B	3	7	B	3	7	B	3

STT	CK6.MĐ21-Hàn MIG/MAG			CK6.MĐ28-Thực tập trải nghiệm kết hợp			CK6.MH16-Tiếng Anh chuyên ngành			4: MH01-Giáo dục chính trị			MH03-Giáo dục thể chất			CK6.MĐ33-Hàn TIG			CK6.MH15-Quản trị doanh nghiệp			CK6.MĐ24-Vẽ thiết kế cơ khí		
	2			7			3			4			2			2			2			3		
	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số
1	0	F	0	7,8	B	3	0	F	0	6,3	C	2	0	F	0	0	F	0	6,6	C+	2,5	5,1	[illegible]	1,5
2	8	B+	3,5	7,1	B	3	5,2	D+	1,5	5,4	D+	1,5	7,3	B	3	7,6	B	3	7,7	B	3	7	B	3
3	0	F	0	7,3	B	3	0	F	0	4,3	F	0	0	F	0	0	F	0	3,6	F	0	4,7	F	0
4	6,6	C+	2,5	5,6	C	2	7	B	3	6,1	C	2	0	F	0	0	F	0	7,3	B	3	5,9	C	2
5	7,6	B	3	5,6	C	2	6,4	C	2	0	F	0	7,9	B	3	7,5	B	3	6	C	2	6,9	C+	2,5
6	7,9	B	3	7,1	B	3	6,2	C	2	6,9	C+	2,5	8	B+	3,5	7,6	B	3	6,6	C+	2,5	6,1	C	2

STT	5: CK6.MĐ20-Hàn khí			CK6.MĐ34-Hàn MIG/MAG nâng			CK6.MĐ25-Kỹ thuật CAD-CAM-			6: CK6.MĐ30-Đồ án tốt nghiệp			CK6.MĐ18-Gia công trên máy			CK6.MĐ27-Gia công trên máy			CK6.MĐ26-Gia công trên máy			CK6.MĐ29-Thực tập tốt nghiệp		
	2			2			2			7			2			3			3			9		
	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số	TBCHP	Chữ	Số
1	6,6	C+	2,5	7	B	3	5,9	C	2	0	F	0	7,9	B	3	7,3	B	3	7	B	3	0	F	0
2	7,1	B	3	7,2	B	3	7	B	3	0	F	0	7,7	B	3	7	B	3	7	B	3	7,9	B	3
3	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0	2,8	F	0	2,8	F	0	2,8	F	0	2,6	F	0
4	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0
5	6,2	C	2	7,4	B	3	6,9	C+	2,5	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0	0	F	0
6	6,8	C+	2,5	7,6	B	3	6,9	C+	2,5	0	F	0	7,5	B	3	7,6	B	3	7	B	3	0	F	0

Hà Nội, Ngày 06 tháng 6 năm 2026

Phòng QLĐT **Người lập biểu**

Nguyễn Thị Hương **Nguyễn Thị Ngọc Dung**

Scanned with CamScanner